

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020, thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018, số 28/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định một số nội dung đối với các dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2017-2020 được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1291/SGTVT-QLCL ngày 29/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, ban hành hồ sơ thiết kế mẫu các công trình thuộc dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hồ sơ: Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2017 - 2020.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Đơn vị lập thiết kế, dự toán mẫu: Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.

4. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nội dung, giải pháp thiết kế mẫu, thiết kế điển hình:

5.1. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu:

Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của các loại đường GTNT áp dụng cho đánh giá đạt chuẩn tiêu chí số 2 trên địa bàn tỉnh tối thiểu phải đạt theo bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đường trục xã, liên xã, (đường phố)	Đường trục thôn, (ngõ phố)	Đường ngõ xóm, nội đồng, (ngách, hẻm)
- Tốc độ tính toán	km/h	30	20 (15)	15
- Bề rộng mặt đường tối thiểu	m	5,0	3,5 (3,0)	3,0 (2,5)
- Bề rộng lề đường tối thiểu	m	2,0	0,75	-
- Bề rộng nền đường tối thiểu	m	9,0	5,0	5,0
- Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	6	5	-
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu	m	60 (30)	30 (15)	15
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao	m	350 (200)	-	-
- Độ dốc dọc lớn nhất	%	9 (11)	5 (13)	5 (15)
- Chiều dài lớn nhất của đoạn có độ dốc dọc lớn hơn 5%	m	300	300	300
- Tĩnh không thông xe	m	4,5	3,5	3,0

*** Ghi chú:**

- Các giá trị ghi trong ngoặc đơn áp dụng đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng.

- Quy mô đường trục thôn, xóm chỉ chôn chước mặt đường tối thiểu 3,0m, đường ngõ xóm chôn chước mặt đường rộng 2,5m trong trường hợp bất khả kháng (không thể giải phóng được đối với nhà cửa, vật kiến trúc kiên cố xây dựng trước thời điểm công bố quy hoạch); phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi... được lu lèn).

- Việc lựa chọn quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của đường giao thông trong khu vực đô thị theo loại đô thị, quy hoạch đô thị và các quy định khác có liên quan. Đối với trường hợp xây dựng theo hình thức nhà nước hỗ trợ xi măng, để đảm bảo điều kiện được hỗ trợ, quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật của các loại đường đô thị phải tương đương hoặc cao hơn các cấp đường GTNT tương ứng, cụ thể: Đường phố tương đương đường trục xã, liên xã; Đường ngõ phố tương đương đường trục thôn, xóm; Đường ngách, hẻm tương đương đường ngõ xóm.

5.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu đường giao thông nông thôn:

6.2.1. Nền, mặt đường:

* Nền đường: Chiều cao của nền đắp phải đảm bảo mép của nền đường (vai đường) cao hơn mực nước đọng thường xuyên ít nhất 50cm đối với nền đắp đất sét và 30cm đối với nền đắp đất cát. Khi đắp nền đường phải đắp thành từng lớp dày từ 20cm đến 30cm và đảm đạt độ chặt $K \geq 0,90$. Trường hợp thiết kế theo tiêu chuẩn đường ô tô (TCVN 4054 :2005), thì lớp đất nền dưới đáy áo đường tối thiểu dày 30cm phải đảm đạt độ chặt $K \geq 0,98$. Các trường hợp khác thì phải đảm bảo 30cm lớp trên cùng của nền đường phải được lu lèn chặt, độ chặt yêu cầu từ 93% đến 95%. Độ dốc mái taluy nền đường đào đất 1/1, taluy nền đào đá 1/0,25 ÷ 1/0,75; taluy nền đắp 1/1,5.

* Kết cấu mặt đường:

- Đối với đường trục xã, liên xã (đường phố): 100% tuyến đường phải được nhựa hóa (bê tông nhựa, láng nhựa, thảm nhập nhựa) hoặc bằng bê tông xi măng.

- Đối với đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm (ngõ phố) và đường ngõ xóm (ngách hẻm): Tối thiểu 70% được nhựa hóa hoặc bê tông hoá; phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi... được lu lèn).

- Đối với đường trục chính nội đồng: Tối thiểu 70% được cứng hóa.

- Quy định về kết cấu mặt đường tối thiểu tương ứng với các cấp đường để được áp dụng cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đường trục xã, liên xã (đường phố)	Đường trục thôn, (ngõ phố)	Đường ngõ xóm, nội đồng (ngách, hẻm)
- Cường độ mặt đường	kg/cm ²	≥ 250	≥ 250	≥ 200
- Chiều dày mặt đường tối thiểu	cm	18	16	14
- Chiều dày lớp móng tối thiểu	cm	15	12	10
- Độ dốc ngang mặt đường	%	2 ÷ 3	2 ÷ 3	2 ÷ 3
- Độ dốc ngang lề đường	%	4 ÷ 5	4 ÷ 5	4 ÷ 5

* Ghi chú:

- Móng đường dùng đá 4x6 chèn đá dăm hoặc cấp phối đá dăm loại II hoặc có thể thay thế các vật liệu địa phương sẵn có đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật như cuội sỏi, móng gia cố vôi, gia cố xi măng... với chiều dày tính toán đạt yêu

cầu.- Giữa lớp móng và mặt đường BTXM nên thiết kế 01 lớp bạt lót (bằng nilông hoặc bạt xác rắn, bạt dứa...) chống mất nước xi-măng khi thi công.

5.2.2. Các công trình trên đường:

a) Công trình cầu:

- Tuân thủ các quy định trong tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN272-05.

- Các loại cầu thông thường sử dụng: Cầu bê tông cốt thép (ưu tiên loại 1), cầu dầm thép hình chữ I liên hợp bản bê tông cốt thép (thường tận dụng dầm I có sẵn), cầu trôn bê tông cốt thép.

- Bề rộng cầu nói chung không được nhỏ hơn chiều rộng của nền đường, trừ trường hợp có chỉ dẫn kỹ thuật riêng, khẩu độ thông thường áp dụng $B = (4+2x0,25)m$; $B = (5+2x0,25)m$; $B = (6+2x0,25)m$; $B = (7+2x0,50)m$; $B = (8+2x0,50)m$.

- Kết cấu dầm bản bằng bê tông cốt thép, thông thường: Khẩu độ cầu $L = 6,58m$, $L = 9,0m$, $L = 10,0m$, $L = 12,0m$.

- Mố, trụ: Thông thường bằng đá hoặc xây vữa xi măng M100, bê tông xi măng M150 (đối với cầu có khẩu độ $L \leq 6m$, chiều cao mố, trụ thấp $H \leq 4m$); bằng bê tông cốt thép đối với các cầu còn lại.

- Lan can, tay vịn: Gờ lan can bằng bê tông cốt thép, tay vịn bằng ống thép tráng kẽm.

b) Công trình cống:

- Cống thông thường dùng loại cống bản khẩu độ $L_0 = 0,5 \div 6,0m$ thiết kế theo định hình 69-34X. Kết cấu bản cống bằng BTCT; tường đầu cống thường dùng đá hoặc xây vữa xi măng M100, hoặc bằng BTXM M150; móng, thân cống bằng đá hoặc xây vữa xi măng M100 hoặc bằng BTXM M150 hoặc bằng BTCT M200 (đối với cống có thân cống cao $> 4m$); xà mũ, bản cống bằng BTCT, tối thiểu đạt M200.

- Cống tròn thường dùng loại khẩu độ $L_0 = 0,5 \div 1,5m$ theo thiết kế định hình 69-37X. Kết cấu ống cống bằng BTCT, tối thiểu đạt M200; tường đầu cống thường dùng đá hoặc xây vữa xi măng M100, hoặc bằng BTXM M150; móng cống thường bằng đá dăm đệm hoặc BTXM M150.

c) Rãnh thoát nước:

- Quy định chung: Nền đường nói chung phải được bố trí rãnh dọc ở hai bên đường trong trường hợp nền đường đào, nửa đào nửa đắp, nền đường đắp thấp hơn 0,6m. Rãnh trong trường hợp nền đất thường được thiết kế có tiết diện dạng hình thang, đáy rộng trung bình 0,4m (tối thiểu 0,2m), chiều sâu trung bình là 0,4m (tối thiểu 0,3m). Rãnh dọc trong trường hợp nền đá thường thiết kế tiết diện dạng hình tam giác với chiều sâu trung bình 0,3m, độ dốc của mái không lớn hơn 1:3. Độ dốc của lòng rãnh dọc tốt nhất bám theo độ dốc của đường đỏ nhưng không được nhỏ hơn 0,5%; nếu không đảm bảo độ dốc phải thay đổi chiều sâu rãnh đảm bảo không bị lắng đọng, bồi lấp rãnh trong quá trình khai thác.

- Các trường hợp gia cố rãnh: Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, khu đông dân cư, rãnh dọc thông thường được gia cố bằng BTXM, BTCT hoặc gạch xây (loại gạch nung hoặc không nung), đá xây, tiết diện hình chữ U để đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường; đối với các đoạn tuyến ngoài khu vực đông dân cư, khi có độ dốc lớn (thường khi $i_r \geq 4\%$), lòng rãnh được gia cố bằng các tấm BTXM đúc sẵn lắp ghép hoặc bằng BTXM đổ tại chỗ hay đá xây, tiết diện hình thang để chống xói. Khi có điều kiện nên gia cố cả phần lề đất tiếp giáp rãnh. Tùy theo tính chất của tuyến đường, địa hình, địa chất khu vực tuyến để lựa chọn kích thước, kết cấu của rãnh cho phù hợp đảm bảo an toàn, bền vững công trình và tận dụng được tối đa vật liệu địa phương.

- Quy mô kỹ thuật tối thiểu các loại rãnh gia cố tương ứng với các loại đường khuyến nghị áp dụng như sau:

TT	Loại rãnh	Kết cấu rãnh	Phạm vi áp dụng
I	Rãnh hộp hình chữ U		
1	BxH = 50x60 (cm)	Thân gạch xây vữa M75, móng BTXM M150	Áp dụng trên đường trục xã, đường phố
2		Đá học xây vữa M75	
3		Bê tông xi măng M150	
4		Bê tông cốt thép M200	
1	BxH = 40x50 (cm)	Thân gạch xây vữa M75, móng BTXM M150	Áp dụng trên đường trục thôn, ngõ phố hoặc trên đường trục xã, đường phố nhưng hạn chế áp dụng
2		Đá học xây vữa M75	
3		Bê tông xi măng M150	
4		Bê tông cốt thép M200	
1	BxH = 30x40 (cm)	Thân gạch xây vữa M75, móng BTXM M150	Áp dụng trên đường trục thôn, ngõ phố (hạn chế áp dụng)
2		Đá học xây vữa M75	
3		Bê tông xi măng M150	
4		Bê tông cốt thép M200	
II	Rãnh hình thang		
1	B _{đáy} = 40 (cm)	Thành, đáy rãnh bằng tấm BTXM M150 đúc sẵn	Áp dụng trên đường trục xã, đường phố
		Lớp đệm vữa M75	
2	B _{đáy} = 20 (cm)	Thành, đáy rãnh bằng tấm BTXM M150 đúc sẵn	Áp dụng trên đường trục thôn, ngõ phố
		Lớp đệm vữa M75	

*** Ghi chú:**

- Rãnh trong khu vực đô thị quy mô rãnh theo quy hoạch, phân cấp của đô thị. Trường hợp xây dựng theo cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh, quy mô rãnh và mức hỗ trợ tham khảo ở trên.

- Trường hợp chỉ khi điều kiện thi công khó khăn (không đủ mặt bằng) hoặc lượng nước cần tiêu thoát ít thì mới áp dụng loại khẩu độ $B = 40\text{cm}$ đối với rãnh trên đường trục xã (hoặc đường phố) và sử dụng khẩu độ $B = 30\text{cm}$ với rãnh trên đường trục thôn (hoặc ngõ phố). Các địa phương phải chịu trách nhiệm nếu lựa chọn khẩu độ rãnh không đủ khả năng tiêu thoát nước.

- Đối với lớp đá dăm đệm móng các địa phương có thể sử dụng vật liệu tại chỗ (cuội sỏi, gạch vỡ, xỉ,...) để thay thế.

- Tùy thuộc vào địa hình từng vị trí xây dựng rãnh mà điều chỉnh cao độ rãnh cho phù hợp, đảm bảo tiết diện thoát nước và độ dốc thoát nước, tránh lắng đọng.

- Cấu tạo chi tiết xem bản vẽ điển hình kèm theo.

d) Hệ thống công trình an toàn giao thông:

Ở những đoạn đường nguy hiểm như đắp cao, đoạn cong ngoặt, đường bên vực lên núi, đoạn dốc nặng, đường lên xuống đầu cầu ... đều phải bố trí các công trình ATGT như: cọc tiêu, biển báo, hộ lan, tôn lượn sóng, tường phòng hộ để cảnh báo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông.

5.3. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình trong xây dựng GTNT:

Trên cơ sở tính đặc thù của các công trình giao thông, Sở GTVT xây dựng 4 loại thiết kế mẫu, thiết kế điển hình như sau:

5.3.1. Thiết kế điển hình nền, mặt đường các loại đường GTNT:

- Thiết kế điển hình áp dụng cho đường trục xã, liên xã (hoặc đường phố).
- Thiết kế điển hình áp dụng cho đường trục thôn, xóm (hoặc ngõ xóm).
- Thiết kế điển hình áp dụng cho đường ngõ, xóm (hoặc ngách hẻm).
- Thiết kế điển hình áp dụng cho đường trục chính nội đồng.

5.3.2. Thiết kế điển hình cống bản:

Thiết kế điển hình các loại cống bản, khẩu độ $L_0 = 0,75 \div 6,0\text{m}$ theo định hình 69-34X (Tải trọng H13-X60).

5.3.3. Thiết kế điển hình cống tròn:

Thiết kế điển hình các loại cống tròn, khẩu độ $D = 0,5 \div 1,5\text{m}$ theo định hình 69-37X (Tải trọng H13-X60).

5.3.4. Thiết kế điển hình rãnh thoát nước:

- Thiết kế điển hình rãnh hộp hình chữ U.
- Thiết kế điển hình rãnh hình thang.

5.3.5. Chi tiết có bản vẽ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, tổng hợp khối lượng tại các mục 5.3.1, 5.3.2, 5.3.3, 5.3.4 trên theo bản vẽ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 1291/SGTVT-QLCL ngày 29/4/2020.

6. Dự toán mẫu:

Trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các hạng mục công trình chủ yếu và một số hạng mục công trình phụ trợ khác của một công trình giao thông, Sở GTVT xây dựng dự toán chi phí xây dựng mẫu có tính chất chung nhất để các địa phương nghiên cứu áp dụng.

Một số nội dung lưu ý khi áp dụng dự toán:

- Dự toán chi phí xây dựng mẫu được xây dựng cho trường hợp chung nhất (cơ bản đầy đủ các hạng mục công trình). Khi áp dụng dự toán mẫu, tùy thuộc vào tính chất từng công trình cụ thể mà áp dụng cho phù hợp.

- Giá nguyên, nhiên vật liệu đang tính tại thời điểm Quý I năm 2020 tại TP Hà Tĩnh. Khi áp dụng, tùy thuộc vào vị trí xây dựng công trình, thời điểm lập dự toán, cung đường, loại đường vận chuyển để tính toán, cập nhật giá nhiên, vật liệu theo công bố giá hằng tháng hoặc quý của Sở Xây dựng, đồng thời tính toán chi phí vận chuyển đến chân công trình để tính bù trừ giá vật liệu đảm bảo tính đúng, tính đủ kinh phí xây dựng công trình (nếu có).

- Tùy thuộc quy mô xây dựng công trình, vị trí, đặc điểm địa hình, địa chất, thủy văn nơi xây dựng công trình mà áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình phù hợp, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiết kiệm kinh phí; khối lượng đưa vào dự toán phải phù hợp với hồ sơ thiết kế.

- Trên cơ sở giá trị dự toán chi phí xây dựng đã được xác định và các quy định hiện hành, chủ đầu tư tổng hợp dự toán xây dựng công trình theo quy định.

Điều 2. Thiết kế mẫu nêu trên được áp dụng thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương theo cơ chế đầu tư đặc thù quy định tại Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giao thông vận tải:

- Công bố, sao gửi các bộ hồ sơ thiết kế mẫu được duyệt tại Quyết định này cho các địa phương và các tổ chức quản lý nhà nước có liên quan để triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị áp dụng thực hiện theo hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được ban hành.

- Chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế mẫu phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của cấp trên.

2. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh:

- Công bố hồ sơ thiết kế mẫu trên cổng thông tin điện tử về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Theo dõi việc áp dụng thiết kế mẫu của các địa phương, phù hợp với kế hoạch đầu tư của chương trình. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc tiếp thu những vấn đề phát sinh trong quá trình áp dụng.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Tổ chức triển khai áp dụng thiết kế mẫu các công trình nêu trên theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; giao các phòng ban chức năng hướng dẫn, kiểm tra các địa phương tổ chức xây dựng công trình theo đúng thiết kế mẫu được duyệt.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng, hàng năm về Sở Giao thông vận tải, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo về Sở Giao thông vận tải và Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh để kịp thời giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn tỉnh; Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu : VT, XD, NL₁, GT, GT₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Hưng